

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 114/2019/DS-ST
Ngày: 11/11/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Diễm Anh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Minh Tuyết và bà Đào Thị Ngâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trinh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Trương Đức Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2019/TLST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1969; Nơi cư trú: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1960 và ông Nguyễn Bửu N, sinh năm 1988; Đồng trú tại: thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L trình bày như sau:

Bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Bửu N có vay của bà Nguyễn Thị Kim L tổng số tiền 160.000.000 đồng với các lần cụ thể như sau:

+ Ngày 11/11/2018 vay 60.000.000 đồng, ông N là người trực tiếp nhận tiền và viết giấy vay, cam kết đến ngày 11/3/2019 sẽ hoàn trả.

+ Ngày 23/01/2019 bà B, ông N vay 100.000.000 đồng, viết giấy thế chấp nhà nhưng không giao giấy tờ nhà đất và cam đoan đến ngày 23/12/2019 sẽ hoàn trả.

Cả hai khoản vay trên đều không có lãi.

Đối với khoản vay 100.000.000 đồng thì chưa đến hạn trả nợ (23/12/2019) nên bà L xin rút yêu cầu khởi kiện.

Đối với khoản vay 60.000.000 đồng: Mặc dù ông N là người trực tiếp nhận tiền và viết giấy vay nhưng bà B là mẹ ruột ông N, có biết việc vay tiền và cùng sử dụng khoản vay trên để làm ăn nên bà L yêu cầu mẹ con bà B, ông N cùng có trách nhiệm trả nợ gốc và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 11/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không có ý kiến trình bày và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

- Đại diện VKSND thành phố Tuy Hòa phát biểu quan điểm:

+Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

+Về nội dung vụ án: đề nghị HĐXX căn cứ các điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015; chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Bửu N phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 60.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 12/3/2019 (ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay) đến ngày xét xử sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị B cùng có trách nhiệm trả nợ; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ đối với khoản vay 100.000.000 đồng. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả nợ tiền vay là tranh chấp về hợp đồng dân sự; bị đơn có nơi cư trú tại thôn P, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc giải quyết vắng mặt đương sự: Nguyên đơn khởi kiện, cung cấp địa chỉ của bị đơn theo Hợp đồng vay được ký kết giữa các bên và phù hợp với kết quả xác minh ngày 17/9/2019 tại Công an xã B, thành phố T. Bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn nhưng đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo địa chỉ mới cho nguyên đơn biết là trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa căn cứ các điều 5, 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành thụ lý, giải quyết và niêm yết theo thủ tục chung. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ các điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

[2.1] Đối với khoản vay 60.000.000 đồng:

[2.1.1] Về yêu cầu trả nợ gốc: Nguyên đơn khởi kiện và giao nộp chứng cứ là bản chính giấy vay tiền ngày 11/11/2018. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo, văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn không tới Tòa làm việc, không có ý kiến trình bày hay yêu cầu phản tố, phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Căn cứ giấy vay tiền ngày 11/11/2018 và lời trình bày của nguyên đơn, có cơ sở xác định ngày 11/11/2018 bị đơn Nguyễn Bửu N có vay của nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L số tiền 60.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bị đơn không trả nợ đúng cam kết là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015. Do đó HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Bửu N phải trả cho nguyên đơn số nợ gốc là 60.000.000 đồng.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi: Xét hợp đồng vay giữa hai bên là hợp đồng vay không có lãi có kỳ hạn, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo quy định pháp

luật của khoản nợ gốc 60.000.000 đồng từ ngày đến hạn 11/3/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 11/11/2019 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. HĐXX chấp nhận số tiền lãi như sau: Từ ngày 12/3/2019 (ngày tiếp theo liền kề của ngày hết kỳ hạn vay) đến ngày 11/11/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 07 tháng 29 ngày x 10%/năm x 60.000.000 đồng = 3.983.333 đồng.

[2.1.3] Như vậy, tổng số tiền bị đơn Nguyễn Bửu N phải trả cho nguyên đơn là: tiền gốc 60.000.000 đồng + tiền lãi 3.983.333 đồng = 63.983.333 đồng.

[2.1.4] Về yêu cầu khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị B: Xét giấy vay tiền ngày 11/11/2018 chỉ do một mình ông Nguyễn Bửu N ký tên xác nhận và trực tiếp nhận tiền. Nguyên đơn yêu cầu bà B cùng có trách nhiệm trả nợ nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà B biết và cùng sử dụng số tiền trên nên không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản vay 100.000.000 đồng: Nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Bửu N, bà Nguyễn Thị B phải trả nợ theo hợp đồng vay ngày 23/01/2019.

[3] **Về án phí:** Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các điều 463, 466, 468, 357 Bộ luật dân sự 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn Nguyễn Bửu N phải trả cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L số tiền 63.983.333đ (*sáu mươi ba triệu chín trăm tám mươi ba nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*) trong đó tiền gốc là 60.000.000đ, tiền lãi là 3.983.333đ.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bà Nguyễn Thị B phải có trách nhiệm trả số tiền trên.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bị đơn chưa thi hành xong số tiền nói trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành xong.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Bửu N, bà Nguyễn Thị B phải trả nợ theo hợp đồng vay ngày 23/01/2019.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị đơn Nguyễn Bửu N phải chịu 3.199.167 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn Nguyễn Thị Kim L số tiền 4.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0012567 ngày 24/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tuy Hòa.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND TP. Tuy Hòa;
- Chi cục Thi hành án DS TP. Tuy Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Diễm Anh Trúc